

**CÔNG TY TNHH MINH KHÔI EMS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MINH KHÔI EMS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH KHOI EMS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MINH KHOI EMS CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110045187

**3. Ngày thành lập:** 29/06/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 23, Xóm Trung Thanh, Thôn Hữu Từ, Xã Hữu Hoà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979.044.927

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu                                                                                                | 4649     |
| 2.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4651     |
| 3.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4652     |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>Bán buôn trang thiết bị y tế loại A,B,C,D<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu | 4659     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8299     |
| 6.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 9511     |
| 7.  | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 9512     |
| 8.  | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 9521     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                     | 9522        |
| 10. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                   | 6201        |
| 11. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                     | 6202        |
| 12. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                         | 6209        |
| 13. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                      | 6311        |
| 14. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                          | 2511        |
| 15. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                        | 2591        |
| 16. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                            | 2592        |
| 17. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                                                             | 2593        |
| 18. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                              | 2610(Chính) |
| 19. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                               | 2620        |
| 20. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                          | 2630        |
| 21. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                      | 2640        |
| 22. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                                          | 2651        |
| 23. | Sản xuất đồng hồ                                                                                                                                                        | 2652        |
| 24. | Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp                                                                                                  | 2660        |
| 25. | Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học                                                                                                                                  | 2670        |
| 26. | Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học                                                                                                                                 | 2680        |
| 27. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                          | 2710        |
| 28. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                                     | 2731        |
| 29. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                  | 2732        |
| 30. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                 | 2733        |
| 31. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                       | 2740        |
| 32. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                               | 2750        |
| 33. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                             | 2790        |
| 34. | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                                                                                                                           | 2829        |
| 35. | Xuất bản phần mềm<br>(trừ xuất bản phẩm)                                                                                                                                | 5820        |
| 36. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                          | 7730        |
| 37. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                 | 3320        |
| 38. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741        |
| 39. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742        |
| 40. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.500.000.000 VNĐ

Thời gian đăng từ ngày 29/06/2022 đến ngày 29/07/2022

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ ĐÌNH SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/01/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001090006323

Ngày cấp: 30/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 23, Xóm Trung Thanh, Thôn Hữu Từ, Xã Hữu Hoà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 23, Xóm Trung Thanh, Thôn Hữu Từ, Xã Hữu Hoà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội